

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Socialist Republic of Vietnam**Independence - Freedom - Happiness*

Ảnh màu
(4x6cm)
Colour
photo

GIẤY XÁC NHẬN
KHÔNG THUỘC ĐIỆN CẤP GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG
CERTIFICATION OF EXEMPTION FROM WORK PERMIT
Số GXN¹/No CEWP:

1. Họ và tên (In hoa)/Full name (In capital letters):
2. Ngày, tháng, năm sinh/Date of birth:
3. Giới tính (Nam/Nữ)/Sex (Male/Female):
4. Quốc tịch/Nationality:
5. Số hộ chiếu/Passport number:
6. Mã số định danh cá nhân (nếu có)/Personal Identification Number (If any):
.....
7. Làm việc tại/Working at:
- a) Tên người sử dụng lao động/Name of employer:
.....
- b) Vị trí công việc²/Job assignment:.....
Cụ thể, lĩnh vực làm việc³/Job field:
- c) Hình thức làm việc⁴/Working form:
- d) Địa điểm làm việc (liệt kê cụ thể các địa điểm làm việc)⁵/Working place:
.....
- đ) Thời hạn làm việc/Period of work: Từ (ngày/tháng/năm)/from
(day/month/year) đến (ngày/tháng/năm)/to (day/month/year).....
8. Tình trạng giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động⁶/Status
of certification of exemption from work permit:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

..., ngày..... tháng năm....
CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Số GXN ghi theo thứ tự như sau: mã số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; 2 chữ số cuối của năm cấp; loại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động (*cấp mới ký hiệu 1, gia hạn ký hiệu 2, cấp lại ký hiệu 3*); số thứ tự (000.001).

Ví dụ: Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Hà Nội cấp mới năm 2025: Số GXN: 01.25.1.000.001

⁽²⁾ Ghi cụ thể: Nhà quản lý; Giám đốc điều hành; chuyên gia; lao động kỹ thuật.

⁽³⁾ Ghi cụ thể tên công việc/ngành nghiệp dự kiến làm theo mã nghề cấp 3 của Phụ lục I tại Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục nghề nghiệp Việt Nam.

⁽⁴⁾ Ghi cụ thể hình thức làm việc theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này.

⁽⁵⁾ Ghi rõ theo thứ tự số nhà, đường phố; thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu; xã/phường/đặc khu; tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

⁽⁶⁾ Ghi cụ thể: Cấp mới/Cấp lại (lần ...)/Gia hạn.